

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/DS-PT

Ngày: 20 - 9 - 2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Anh Tuấn

2. Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2021/TLPT-DS ngày 02/7/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐ-PT ngày 16/8/2021, Thông báo chuyển lịch phiên tòa số 963/2021/TB-TA, ngày 26/8/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 975/2021/TB-TA ngày 08/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A - Sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà X hẻm đường V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tăng H - Sinh năm 1991 (Văn bản ủy quyền ngày 20/8/2021); địa chỉ: Đường T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Y T Knul - Sinh năm 1987 và bà H’N Bkrông - Sinh năm 1990; địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Y T Knul và bà H’N Bkrông: Ông Phạm Công H1, sinh năm 1986 (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2020); địa chỉ: Đường J, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà H’N Bkrông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị A và người đại diện theo ủy quyền trình bày có nội dung như sau:*

Do có quan hệ quen biết nên bà Đỗ Thị A có cho vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul vay tiền, cụ thể như sau: Ngày 26/6/2019, vay số tiền là 378.000.000 đồng, khi vay vợ chồng bà H'N có viết giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/01 tháng, thời hạn vay 01 tháng; Ngày 05/8/2019, vay số tiền 1.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/01 tháng, thời hạn vay là 03 tháng.

Đối với khoản vay 378.000.000 đồng, thì vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul đã không trả được nợ khi đến hạn; đối với khoản vay 1.000.000 đồng vào ngày 05/8/2019, thì mới chỉ trả được số tiền 450.000 đồng và còn nợ là 550.000 đồng. Mặc dù bà A đã đòi nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng bà H'N Bkrông, ông Y T Knul vẫn không trả số tiền gốc của 02 khoản vay còn nợ là 378.550.000 đồng.

Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 378.550.000 đồng và tiền lãi kể từ khi vay đến ngày khởi kiện (08/10/2020) là 88.948.000 đồng, tổng cộng là 467.498.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị A đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất của 02 khoản vay nêu trên, cụ thể nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi suất của số tiền vay theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày quá hạn trả nợ cho đến ngày khởi kiện, ngày 08/10/2020.

**/ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà H'N Bkrông, ông Y T Knul và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Công H1 trình bày có nội dung như sau:*

Việc bà Đỗ Thị A cho rằng ngày 26/6/2019 vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul vay của bà A số tiền 378.000.000 đồng là không đúng, vì vợ chồng bà H'N không có vay số tiền này.

Thực tế trong các năm trước đây, vợ chồng bà H'N Bkrông, ông Y T Knul có vay tiền của bà A, do thời gian đã lâu nên vợ chồng bà H'N không nhớ số tiền vay cụ thể là bao nhiêu. Quá trình vay thì có trả nợ cho bà A nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể thời gian và số tiền trả. Đến tháng 06/2019, bà A chốt công nợ của các năm trước, đã cộng cả tiền gốc và lãi thành số nợ là 137.000.000 đồng; tiếp đó vợ chồng bà H'N vay thêm của bà A số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 26/6/2019, bà A đã yêu cầu ông Y T Knul và bà H'N Bkrông ký giấy mượn tiền, với tổng số tiền vay là 378.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nhau từ lâu và do còn nợ tiền của bà A nên dù không hiểu rõ nội dung trong giấy mượn tiền cụ thể số tiền là bao nhiêu, nhưng do tin tưởng nên ông Y T Knul và bà H'N Bkrông vẫn ký giấy mượn tiền, chứ vợ chồng bà H'N không biết và không nhận khoản tiền nào trong ngày 26/6/2019.

Do đó, bà H'N Bkrông và ông Y T Knul không chấp nhận trả cho bà A số tiền 378.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo như yêu cầu của bà A, vợ chồng bà H'N chỉ chấp nhận trả cho bà Đỗ Thị A số tiền thực tế đã vay là

157.000.000 đồng và số tiền này đã bao gồm cả tiền lãi. Đối với khoản vay 1.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/8/2019, thì vợ chồng bà H'N và ông Y T xác nhận là có vay và đã trả được 450.000 đồng, hiện còn nợ 550.000 đồng nên đồng ý trả số tiền còn nợ là 550.000 đồng cho bà A.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DSST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A.

- Buộc ông Y T Knul và bà H'N Bkrông phải trả cho bà Đỗ Thị A số tiền là 424.677.000 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 378.550.000 đồng và tiền lãi là 46.127.000 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Ông Y T Knul và bà H'N Bkrông phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.987.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị A (bà Lê Thị Bích L nộp thay cho bà A) số tiền 11.317.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0014758 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2021 bị đơn bà H'N Bkrông có đơn kháng cáo, với nội dung: Bản án sơ thẩm buộc vợ chồng bà H'N phải trả tiền cho bà A là không đúng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà H'N Bkrông vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày ý kiến cho rằng: Thời điểm trước đây vợ chồng bà H'N có vay của bà A nhiều lần và đến tháng 06/2019, thì bà A chốt công nợ của các năm trước, đã cộng cả tiền gốc và lãi thành số nợ là 137.000.000 đồng, sau đó vợ chồng bà H'N vay thêm của bà A số

tiền 20.000.000 đồng, nên tổng nợ cả gốc và lãi chỉ là 157.000.000 đồng. Còn thực tế bà H'N và ông Y T Knul không có vay và nhận số tiền 378.000.000 đồng từ bà A, theo như bà A khởi kiện, do bà A gian dối nói cho vợ chồng bà H'N vay tiền để trả ngân hàng nên bà H'N đã tin tưởng ký giấy vay nhưng không có nhận tiền, đồng thời cũng không có biên bản giao nhận tiền vay giữ hai bên; mặt khác ông Y T, là người không biết chữ nhưng lại có ghi tên ở mục bên mượn tiền trong giấy vay là không đúng nên giấy mượn tiền này vô hiệu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 157.000.000 đồng và số tiền 550.000 đồng của khoản vay ngày 05/8/2019.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lời trình bày của phía bị đơn là không đúng. Số tiền mà vợ chồng bà H'N vay ngày 26/6/2019 là nợ gốc, bà H'N là người viết giấy mượn tiền và cùng với ông Y T Knul ký giấy mượn, sau đó bà A đã giao tiền cho vợ chồng bà H'N số tiền 378.000.000 đồng ngay sau khi viết giấy mượn tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Theo giấy mượn tiền ngày 26/6/2019, thể hiện và H'N và ông Y T có vay của bà Đỗ Thị A số tiền là 378.000.000 đồng; bị đơn cho rằng không có vay của bà A số tiền 378.000.000 đồng, lý do mà bị đơn ký giấy mượn tiền ngày 26/6/2019, là do còn nợ tiền và tin tưởng bà A nên mới ký giấy, chứ không có nhận tiền, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Đối với khoản vay ngày 05/8/2019 là 1.000.000 đồng, thì bị đơn thừa nhận có vay và đã trả được 450.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm buộc ông Y T Knul và bà H'N Bkrông phải trả cho và Đỗ Thị A số tiền là 424.677.000 đồng, trong đó nợ gốc là 378.550.000 đồng và tiền lãi 46.127.000 đồng, là có căn cứ nên kháng cáo của bà H'N Bkrông là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H'N Bkrông và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H'N Bkrông, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Đối với ý kiến của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng không có vay số tiền 378.000.000 đồng của bà Đỗ Thị A, xét thấy: Theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 26/6/2019, thể hiện nội dung bà Đỗ Thị A có cho ông Y

T Knul và bà H'N Bkrông vay số tiền là 378.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng; bị đơn bà H'N Bkrông thừa nhận bà là người viết giấy mượn tiền ngày 26/6/2019 và bà cùng chồng là ông Y T Knul ký vào mục bên mượn tiền trong Giấy mượn tiền ngày 26/6/2019; Phía bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng không có vay số tiền 378.000.000 đồng của bà Đỗ Thị A, lý do mà bà H'N, ông Y T ký giấy mượn tiền là vì trước thời điểm ký giấy mượn tiền ngày 26/6/2019, thì có vay tiền nhiều lần của bà A nhưng không nhớ cụ thể số tiền và thời gian vay; đến tháng 6/2019, bà A chốt công nợ của các năm trước, đã cộng cả tiền gốc và lãi thành số nợ là 137.000.000 đồng, tiếp đó vợ chồng bà H'N vay thêm của bà A số tiền 20.000.000 đồng; đến ngày 26/6/2019, bà A đã yêu cầu bà H'N viết giấy mượn tiền, về nội dung ghi trong giấy mượn tiền do bà A soạn sẵn và nói bà H'N viết vào giấy mượn, sau đó ông Y T Knul, bà H'N Bkrông ký giấy mượn tiền, vì là chỗ quen biết nhau từ lâu, do còn nợ tiền và được bà A hứa cho vay thêm tiền để trả ngân hàng nên mặc dù không biết số tiền cụ thể là bao nhiêu, nhưng do tin tưởng nên ông Y T Knul và bà H'N Bkrông đã ký giấy mượn tiền, chứ vợ chồng bà H'N không biết và không nhận khoản tiền nào trong ngày 26/6/2019. Tuy nhiên, nguyên đơn bà A không thừa nhận nội dung này và phía bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời bà H'N đã có đơn tố cáo bà Đỗ Thị A và tại Công văn số 36/TLĐ-ĐTTH ngày 11/3/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lời, với nội dung: Vụ việc vay mượn tiền giữa bà A với bà H'N là giao dịch dân sự và không có dấu hiệu tội phạm cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự. Do đó ý kiến của bị đơn Y T Knul, bà H'N Bkrông và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, ông Y T Knul có mặt và có ký nhận ở mục bên mượn tiền tại Giấy mượn tiền ngày 26/6/2019, nên việc phía bị đơn cho rằng ông Y T không biết chữ và không biết nội dung trong giấy mượn tiền, do đó giấy mượn tiền không có giá trị pháp lý là không có cơ sở chấp nhận.

[1.2] Đối với khoản vay 1.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 05/8/2019, thì bị đơn bà H'N và ông Y T thừa nhận khoản vay này đúng như trình bày của nguyên đơn và đã trả được 450.000 đồng, nên còn nợ 550.000 đồng và đồng ý trả khoản tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[1.3] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định vào ngày 26/6/2019, vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul có vay của bà Đỗ Thị A số tiền là 378.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng; đến ngày 05/8/2019 vợ chồng bà H'N Bkrông vay tiếp 1.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, đối với khoản vay này đã trả được 450.000 đồng và còn nợ 550.000 đồng. Tuy nhiên quá hạn của hai khoản vay trên nhưng vợ chồng bà H'N đã không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ theo như cam kết. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị A và buộc bà H'N Bkrông và ông Y T Knul có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền nợ gốc là 378.550.000 đồng và số tiền lãi suất là 46.127.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 424.677.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà H'N Bkrông là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[1.4] Về lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để buộc bị đơn bà H'N Bkrông và ông Y T Knul phải chịu lãi suất của khoản tiền vay, thời gian tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày khởi kiện (ngày 08/10/2020), mức lãi suất là 10%/năm, là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể tiền lãi là: Tiền lãi suất đối với khoản vay 378.000.000 đồng, từ ngày quá hạn trả nợ (ngày 27/7/2019) đến ngày khởi kiện (ngày 08/10/2020), thời gian 14 tháng 19 ngày là 46.076.000 đồng và tiền lãi suất đối với khoản vay 550.000 đồng từ ngày quá hạn trả nợ (ngày 06/11/2019) đến ngày khởi kiện (ngày 08/10/2020), thời gian 11 tháng 07 ngày là 51.000 đồng. Tổng tiền lãi của 02 khoản vay là 46.076.000 đồng + 51.000 đồng = 46.127.000 đồng.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Y T Knul và bà H'N Bkrông phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả là: 20.000.000đ + (24.677.000đ x 4%) = 20.987.080 đồng (làm tròn là 20.987.000 đồng).

Bà Đỗ Thị A không phải chịu án phí và hoàn trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 11.317.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà H'N Bkrông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không nhận kháng cáo của bị đơn bà H'NBkrông, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị A.

1. Buộc vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị A số tiền nợ gốc là 378.550.000 đồng và tiền lãi suất là 46.127.000 đồng, tổng cộng cả nợ gốc và lãi suất là 424.677.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng bà H'N Bkrông và ông Y T Knul phải chịu 20.987.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị A số tiền 11.317.000 đồng (mười một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (do bà Lê Thị Bích L nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0014758 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà H'N Bkrông phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, mà bà H'N Bkrông đã nộp theo Biên lai thu số 60AA/2021/0006881, ngày 04/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ II);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình